

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH N**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2022/HSST

Ngày 28/4/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N - TỈNH N**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích T

Các Hội thẩm nhân dân: Phạm Thị Ngọc N

Bà Hoàng Thị Kim P

-Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Đức T, Thư ký Tòa án nhân dân TP N - tỉnh N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N - tỉnh N tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị P, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 35/2022/HSST ngày 01 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2022/QĐXXST-HS ngày 13/4/2022 đối với bị cáo:

Trần Thị M- Sinh năm 1979. Tên gọi khác: Không. Tại Nam Định. Nơi ở và nơi ĐKNKTT: Phố 2, phường Đ, thành phố N, tỉnh N. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Văn hoá: 05/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông Trần Ngọc H và bà Phạm Thị Đ (đều đã chết). Chồng Nguyễn Văn T (đã chết). Con có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2001, con nhỏ nhất sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo không bị tạm giam, hiện bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” từ ngày 13/01/2022 đến nay. Có mặt.

Người bị hại: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1969, trú tại: Phố 3, phường Đ, thành phố N, tỉnh N. Vắng mặt (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị M bán hàng thuê cho chị Nguyễn Thị V sinh năm 1969, trú tại phố 3, phường Đ, thành phố N, tỉnh N tại chợ hoa quả Nam Thành thuộc phố Yết Kiêu, phường Nam Thành, thành phố N, tỉnh N. Khoảng 01 giờ ngày 15/7/2021, Trần Thị M điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển kiểm soát 35B2- 042.74 từ nhà

đến Ki ốt trong chợ hoa quả Nam Thành để bán hàng cho chị Vân. M biết chị Vân thường để ví đựng tiền bán hàng tại ngăn tủ quầy trong Kiốt nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tiền để tiêu sài cá nhân. Khoảng 5 giờ cùng ngày lợi dụng lúc chị Vân đang dọn hàng M đi tới gần chiếc tủ quầy để ví tiền và ngồi xuống dùng tay phải kéo ngăn tủ lấy chiếc ví kích thước khoảng (15x20)cm màu xanh để xuống đất phía sau ghế mục đích để khuất tầm nhìn của chị Vân. Sau đó, M dùng tay phải kéo khoá chiếc ví và lấy 3.500.000đồng trong ví cầm ở tay. Lúc này quan sát thấy chị Vân đi về phía mình, M sợ bị phát hiện nên đã vơ cả rác và số tiền lấy được bỏ vào trong một chiếc thùng xốp gần đấy rồi để lại chiếc ví vào ngăn kéo tủ. Khoảng 20 phút sau, M ra thùng xốp lấy số tiền trộm cắp được cất vào cốp xe mô tô biển kiểm soát 35B2-042.74 sau đó mang về nhà tiêu xài cá nhân hết. Đến 5 giờ 30 phút cùng ngày chị Vân kiểm tra ví phát hiện mất 3.500.000 đồng nên có kiểm tra hệ thống Camera an ninh của Kiốt phát hiện Trần Thị M đã lấy trộm tiền của chị nên đã sao lưu giữ liệu sang USB nhãn hiệu Kingston. Sau đó do chị Vân bị ốm nên đến ngày 02/12/2021, chị Vân đã làm đơn trình báo gửi đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N và giao nộp 01 USB nhãn hiệu Kingston.

Ngày 29/12/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã ra Quyết định trưng cầu giám định kỹ thuật số và điện tử số 284/CQĐT đối với 01 USB nhãn hiệu Kingston thu giữ của chị V. Tại bản Kết luận giám định số 107/KLGD-PC09-KTS&ĐT ngày 11 tháng 01 năm 2022 của phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh N kết luận: Không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong tệp video lưu trữ trong thẻ nhớ do Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố N gửi giám định.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra Trần Thị M đã tự nguyện giao nộp lại số tiền 3.500.000đồng cho cơ quan điều tra. Ngày 15/12/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã trả lại số tiền trên cho chị Nguyễn Thị V, chị Vân đã nhận đủ số tiền và không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

Tại bản Cáo trạng số 41/CT-VKS ngày 31/3/2022 Viện kiểm sát nhân dân thành phố N đã truy tố bị cáo Trần Thị M về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Hội đồng xét xử tuyên bố: bị cáo Trần Thị M phạm tội Trộm cắp tài sản. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Thị M từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo Trần Thị M cho Ủy ban nhân dân phường Đông Thành, thành phố N, tỉnh N giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường Đông Thành nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Khấu trừ 5% thu nhập hàng

tháng đối với bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt. Về trách nhiệm dân sự: không đặt ra giải quyết do người bị hại đã nhận tài sản và không có yêu cầu gì. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu ở trên và không tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố N, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo đã có bản kiểm điểm, đã được lấy lời khai, hỏi cung. Bị cáo đã được đọc và công nhận đúng lời khai của mình. Bản thân bị cáo xác định không bị ép cung, ngược đãi hành hạ, đánh đập và không có khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố N, Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. *Về hành vi phạm tội*: Khoảng 5 giờ sáng ngày 15/7/2021, tại Kiốt bán hàng của chị Nguyễn Thị Vân ở chợ hoa quả phường Nam Thành, thành phố N, tỉnh N bị cáo Trần Thị M là người bán hàng thuê cho chị Vân, lợi dụng lúc chị Vân đang dọn hàng không để ý đã lén lút đi tới chiếc tủ quầy hàng để ví tiền và chiếm đoạt trong ví số tiền 3.500.000 đồng của chị Nguyễn Thị Vân rồi mang về nhà tiêu sài cá nhân.

Lời khai nhận tội của bị cáo Trần Thị M phù hợp với lời khai của người bị hại, biên bản xác định hiện trường, bản ảnh hiện trường, Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N về dữ liệu hình ảnh trong tệp video lưu trữ trong USB ghi hình ảnh bị cáo Trần Thị M thực hiện hành vi trộm cắp trích xuất từ camera tại Kiốt bán hàng do chị Vân (người bị hại) giao nộp và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Trần Thị M đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được luật Hình sự bảo vệ, bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, do vậy cần phải được xử lý trước pháp luật. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xét thấy về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự không có; về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã tự giác bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Về hoàn cảnh gia đình bị cáo là

lao động chính trong gia đình, bố mẹ đẻ đều đã chết, chồng chết, hiện còn đang nuôi con nhỏ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng thêm Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Thị M hình phạt cải tạo không giam giữ, giao bị cáo cho Chính quyền địa phương và gia đình giám sát giáo dục là cần thiết đồng thời khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng trong thời gian bị cáo chấp hành hình phạt để sung quỹ Nhà nước là cũng có tác dụng răn đe giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[3]. *Về trách nhiệm dân sự*: Ngày 02/12/2021, sau khi chị V có đơn trình báo, bị cáo Trần Thị M đã giao nộp số tiền 3.500.000đồng cho cơ quan điều tra và chị Nguyễn Thị V là người bị hại đã nhận lại số tiền 3.500.000đồng do bị trộm cắp và không yêu cầu gì nữa nên vấn đề trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]. *Vấn đề khác*:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong thời gian luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị M phạm tội “**Trộm cắp tài sản**”.

Xử phạt Trần Thị M 09 (*chín*) tháng cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Trần Thị M cho Ủy ban nhân dân phường Đông Thành, thành phố N, tỉnh N giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Gia đình bị cáo Trần Thị M có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường Đông Thành, thành phố N, tỉnh N trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường Đông Thành, thành phố N, tỉnh N nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng đối với bị cáo Trần Thị M trong thời gian chấp hành hình phạt để sung quỹ Nhà nước.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Thị M phải nộp 200.000^d (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N
- VKSND thành phố N
- Công an thành phố N
- Chi cục THA. DS thành phố N
- Thi hành án HS
- Bị cáo
- Người bị hại.
- Lưu hồ sơ
- Lưu VP
- (TB cho CQ địa phương nơi bị cáo cư trú).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Bích T